

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **267/2021/HNGĐ- ST**

Ngày 15/9/2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lộc Thị Kim Thơm

2. Bà Đặng Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Linh**- Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2021/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1994;

Trú tại: xóm Chanh, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* anh Trần Tuấn A, sinh năm 1990;

Trú tại: xóm 3 (**xóm 6 cũ**), phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

(chị L và anh Tuấn A đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mai L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị kết hôn với anh Trần Tuấn A từ năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Trước khi kết hôn chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới

theo phong tục địa phương. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chị về làm ăn và chung sống tại phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống luôn trong tình trạng căng **thẳng, vợ chồng không hoà hợp**. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Trần Tuấn A, không thể chung sống cùng nhau được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Tuấn A.

Về con chung: chị và anh Trần Tuấn A có 01 con chung tên là Trần Hà V, sinh ngày 28/11/2016, hiện nay cháu V đang ở với chị. Khi ly hôn **chị đề nghị** được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Hà V, **không** yêu cầu anh Trần Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: vợ chồng chị không có.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Tuấn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị L có đăng ký kết hôn vào ngày 18/12/2015 tại Ủy ban nhân dân **xã T**, huyện Y **trên cơ** sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về chung sống và làm ăn tại phường N, thành phố T. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, mỗi người một quan điểm sống, quan điểm làm ăn khác nhau. Do không ở được với nhau nên năm 2017 chị L đã chuyển về nhà mẹ đẻ chị L ở xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, bản thân anh cũng đi làm ăn ở nhiều nơi khác nhau, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 **đến nay. Nay chị L làm** đơn ly hôn, anh nhất trí ly hôn. Do ly thân đã lâu, có những mâu thuẫn không muốn gặp nhau để hoà giải nên **anh** đề nghị Toà án không tiến hành hòa giải **và giải quyết, xét xử vắng** mặt anh vì anh và chị L không thể đoàn tụ được.

Về con chung: vợ chồng anh có một con chung là cháu Trần Hà V, sinh ngày 18/11/2016. Hiện nay cháu V đang ở cùng chị L. **Khi ly hôn** nếu chị L muốn nuôi con anh đồng ý, nếu chị L không muốn nuôi con thì anh sẽ nhận nuôi con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về đất đai, tài sản, công nợ chung: vợ chồng anh không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên bị đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, **Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83** Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai L, xử cho chị Nguyễn Thị Mai L được ly hôn với anh Trần Tuấn A. **Về con chung: giao cháu Trần Hà V, sinh ngày 18/11/2016 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: các đương sự xác định không có nên không đề nghị HĐXX xem xét.** Ngoài ra đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị HĐXX tuyên chị Nguyễn Thị Mai L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị L và anh Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn **và giao con chung khi ly hôn**, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: ***Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*** theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bị đơn Trần Tuấn A đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại **xóm 6 (nay là xóm 3)**, phường N, thành phố T. Tuy nhiên chị L và anh Tuấn A đã có văn bản thoả thuận lựa chọn **Toà án nhân dân huyện Y** là nơi cư trú của nguyên đơn để giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ điểm b, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai L, HĐXX nhận định: tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cả chị L và anh Tuấn A đều

thừa nhận mặc dù anh chị có đăng ký kết hôn nhưng thực tế thời gian chung sống cùng nhau không đáng kể. Từ năm 2017 đến nay anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn sống ly thân là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Nay cả chị L và anh Tuấn A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay lại chung sống cùng nhau được, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tuy nhiên do các bên đương sự không muốn gặp mặt để hòa giải thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: **chị L và** anh Trần Tuấn A có 01 con chung tên là Trần Hà V, sinh ngày 28/11/2016, hiện nay cháu V đang ở với chị L. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hà V sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Trần Tuấn A phải cấp dưỡng con chung. Anh Trần Tuấn A nhất trí để chị L nuôi dưỡng cháu Trần Hà V. Vì vậy cần giao cháu Trần Hà V cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Trần Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Tuấn A được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] **Về tài sản, đất đai**, công nợ chung: các đương sự đều xác định không có, không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: chị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trần Tuấn A không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai L về việc *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Trần Tuấn A

1. Về quan hệ hôn nhân: **chị Nguyễn Thị Mai L được ly hôn anh Trần Tuấn A.**

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hà V, sinh ngày 18/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Mai L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Tuấn A

không phải cấp **đưỡng nuôi con chung** và được quyền đi lại thăm non con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Mai L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai **thu** tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003732, ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Trần Tuấn A không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Y;
- **UBND xã T;**
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Vượng - Ma Thị Thu Loan

Nguyễn Văn Toàn

